

IRAQ TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TỔNG THỐNG G. W. BUSH

Th.S. Bùi Thị Thảo

Khoa Sử - Đại học Sư phạm Huế

Cuộc chiến Iraq như một dấu ấn trong sự nghiệp chính trị của Tổng thống G. W. Bush. Từ lúc bước vào Nhà Trắng, ông đã đối mặt với “cuộc đấu tranh đầu tiên trong thế kỷ XXI” chống chủ nghĩa khủng bố và Baghdad được cho là liên can. Tham chiến ở Iraq cũng là một trong ba chủ đề đưa đến thắng lợi cho ông Bush trong chiến dịch tranh cử tổng thống nhiệm kỳ hai, năm 2004. Nhưng cũng chính cuộc chiến này đã khiến ông Bush phải rời Nhà Trắng trong sự thất tín ghê gớm (theo thăm dò của tạp chí ABC News năm 2007, có đến 73% dân Mỹ không còn ủng hộ ông). Có thể nói, Iraq chiếm một vị trí đặc biệt trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Bush - mặc dù ngay từ đầu, nó không nằm trong định hướng đối ngoại được ưu tiên. Không phải là mối đe dọa sức mạnh quân sự toàn cầu đối với Mỹ, cũng không phải là đối thủ cạnh tranh quyền lực tiềm năng, nhưng để giải quyết vấn đề Iraq, Chính quyền Bush đã bộc lộ cách vận hành hệ thống chiến lược của họ. Trên thực tế, những ứng xử của Tổng thống Bush và bộ máy quyền lực của ông trong cuộc chiến tranh này cho thấy nhiều mặt thực chất trong chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ “hậu Xô Viết”.

1. Iraq, một thử nghiệm của chiến lược can thiệp trực tiếp bằng vũ lực

Chiến lược can thiệp trực tiếp bằng vũ lực là một trong những nội dung trọng tâm của Học thuyết Bush. Học thuyết này được biết đến lần đầu với tên gọi “chiến tranh không thương vong”, công bố vào ngày 7/12/2001. Có thể nói, sau Afghanistan, cuộc chiến được coi là tất yếu đối với Chính quyền Mỹ để đáp trả mọi tổn thương từ bên ngoài và là mở đầu tốt đẹp của Học thuyết Bush, thì cuộc chiến Iraq là một “thử nghiệm trên thực địa” của “Học thuyết an ninh quốc gia” mới, công bố ngày 17/9/2002. Mặc dù, “chiến tranh không thương vong” và “Học thuyết an ninh quốc gia” mới đại diện cho chính sách đối ngoại của Mỹ ở hai thời kỳ khác nhau, nhưng cả hai đều là “con đẻ” của Học thuyết Bush, chú trọng chiến lược can thiệp và cùng hướng đến mục tiêu trọng tâm. Đó là duy trì địa vị siêu cường độc tôn, trừng trị bất kỳ nước nào đe dọa lợi ích của Mỹ và đồng minh, đảm bảo sự vượt trội vĩnh viễn về sức mạnh quân sự của Mỹ. So với chính phủ tiền nhiệm, chiến lược quân sự của ông Bush mang nặng tính quyền lực và hiếu chiến. Đặc trưng này trên thực tế phản ánh sự vận dụng của chủ nghĩa hiện thực Mỹ trong bối cảnh mới.

Khi Tổng thống G. W. Bush bước vào Nhà Trắng cũng là lúc nước Mỹ đối diện với hàng loạt biến động sâu sắc. Sự gắn kết của châu Âu lục địa và sự trỗi dậy phong độ của Nga đặt

nước Mỹ trước thách thức lớn: duy trì khả năng chi phối các quốc gia khác cho tương xứng với vị thế siêu cường duy nhất của Mỹ. Tổng thống Bush khẳng định: “Nước Mỹ đang ở trong vị thế có một không hai. Chúng ta là người lãnh đạo”. Nhận định này cho thấy bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI tác động to lớn đến nhận thức đối ngoại nhưng nó cũng là mục tiêu lớn nhất và duy nhất Tổng thống Bush theo đuổi. Tuy nhiên, các con số thống kê về tỷ lệ gia tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ngày càng giảm sút cùng với tình trạng lạm phát ngày càng gia tăng¹ và những vấn nạn xã hội khác như: nhập cư trái phép, bùng nổ dân số, lỗ hổng trong giáo dục,... đặt Chính quyền Bush trước những thách thức to lớn. Sự bình yên của chính trường Mỹ dưới sự dẫn dắt của ông Bush đã là một thách thức lớn đối với vị tổng thống thứ 43 này, đặc biệt khi chính G. W. Bush đang chịu sức ép tâm lý nặng nề về chiến thắng vất vả của ông trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2000. Dường như ông Bush phải chứng tỏ năng lực để người Mỹ phải “tâm phục khẩu phục” khi chọn ông. Rõ ràng, bối cảnh quốc tế, hiện thực nước Mỹ và vị thế của Tổng thống Bush đã tác động sâu sắc đến những hoạch định và ứng xử của ông Bush. Tất nhiên, tư cách cá nhân và những dấu ấn mang tính truyền thống của Đảng Cộng hoà cũng là những yếu tố góp phần chi phối đường hướng đối ngoại của Chính quyền Bush. Xem xét hàng loạt quyết định của G. W. Bush trong nhiệm kỳ đầu cầm quyền (rút khỏi Hiệp ước cấm thử toàn diện vũ khí hạt nhân CTBT²ait chối phê chuẩn Nghị định thư Kyoto; Hiệp ước cấm vũ khí sinh học; Hiệp định Toà án hình sự quốc tế: rút khỏi Hiệp định chống tên lửa

đạn đạo ABM; mở rộng phạm vi triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa NMD; xúc tiến NATO đông tiến...) cho thấy ông Bush đang tìm về với chủ nghĩa cá nhân, đơn phương một cách cực đoan và quay lưng lại với đặc trưng lớn nhất của toàn cầu hoá: hợp tác trên nền tảng cộng đồng. Điều này cũng cho thấy Học thuyết Bush coi trọng an ninh quân sự và bành trướng sức mạnh Mỹ ra toàn cầu hơn là thực thi “chương trình Hai E” (Economy & Education) như Nghị trình của Tổng thống khi nhậm chức.

Tính đơn phương, bảo thủ còn thể hiện trong cách nhìn nhận của Tổng thống Bush về vai trò của Liên hợp quốc. Theo ông, một liên minh quốc tế, hoặc Liên hợp quốc không phải là cách hữu hiệu để đối phó với những nhà nước bất hảo, nguy hiểm. Dường như ở đây có sự xung đột lớn giữa hành động và lời nói của ông Bush. Một mặt, ông cần một liên minh quốc tế sau sự kiện 11-9, nhưng mặt khác, ông chối bỏ vai trò của Liên hợp quốc, cơ sở để hình thành nên cái liên minh đấy. Điều này cho thấy, tiết lộ của H. Kissinger trên báo Rạng Đông (Dawn) là hoàn toàn đúng, rằng: cuộc chiến chống khủng bố trước hết là nhằm tranh thủ cơ hội cực kỳ quý báu để Mỹ phân chia lại thế giới trên cơ sở một liên minh toàn cầu. Với cách phân chia này, dù Iraq không nằm trong liên minh đối lập thì trạng thái chiến tranh cho phép Mỹ tự dựng lên mối quan hệ giữa Baghdad và Al-Qaeda. Do đó, Iraq là một mục tiêu khả thi cho Mỹ khi triển khai một chiến lược mới - một chiến lược “không chỉ để quét sạch bọn khủng bố mà còn tiêu diệt các hang ổ của chúng”, với phạm vi triển khai có thể lan tới 60 quốc gia². Theo đánh giá của G. W. Bush, chỉ dùng tên lửa hành trình bắn vào

các lần trại của đối phương như cách chính phủ tiên nhiệm đã làm đối với Iraq thì thật yếu ớt, chẳng khác nào “nghiên cát”. Ông Bush chú trọng hơn đến sức mạnh quân sự bằng các kế hoạch tấn công được tính toán kỹ lưỡng. Theo ông, đó mới đích thực là chủ nghĩa hiện thực Mỹ cần theo đuổi để bảo vệ quyền lực và vị thế “lãnh đạo” thế giới.

Trong số các chính sách được thực hiện để bảo vệ lợi ích quốc gia “bốn chữ P”³, Tổng thống Bush chú trọng, thực hiện nhiều nhất chính sách an ninh quân sự theo chiến lược can thiệp trực tiếp, chủ động can dự (forward-looking) và mục tiêu “quyền lực” (power) được đưa lên hàng đầu. Quyền lực đánh dấu khả năng của một quốc gia trong chi phối cách hành xử của các quốc gia khác. Theo giáo sư Bruce W. Jentleson, quyền lực cũng liên quan đến các vấn đề phi vật thể như “uy tín”. Có lẽ khi xâm lược Iraq, Tổng thống Bush không tính đến yếu tố này, ông nhấn mạnh “khả năng vượt qua trở ngại và thắng thế trong các xung đột” hơn là việc phải xây dựng hình ảnh nước Mỹ bằng uy tín và cam kết. Việc G. W. Bush ra lệnh ném bom Iraq ngay sau khi được bầu làm tổng thống (tháng 2/2001) cho thấy trước vụ khủng bố 11/09/2001, Iraq đã là một mục tiêu triển khai của Học thuyết Bush. Cuộc khủng bố như một cơ hội bùng phát để Mỹ lấy “sự chính nghĩa” làm cái cớ tấn công phủ đầu đối với Iraq. Theo ông Bush, quân sự - chứ không phải kinh tế - là thước đo bậc nhất của quyền lực. Cuộc chiến ở Iraq là thước đo đầu tiên trong chiến lược quân sự mới, bành trướng quyền lực của Chính quyền Bush trong thế giới đơn cực. Để thực hiện thước đo này, Bush và các cộng sự của ông đã

tìm kiếm tính hợp pháp quốc tế qua các văn bản nội bộ hơn là Nghị quyết của Liên hợp quốc. Mặc dù những luận điểm trong Chiến lược an ninh quốc gia Hoa Kỳ công bố lần đầu tiên vào tháng 9/2002 là “những nguyên tắc pháp lý” mở đường cho Học thuyết Bush được hiện thực hoá bằng đường lối công khai sử dụng bạo lực, nhưng cuộc chiến chống Iraq không liên quan đến bất cứ một luận điểm nào, và cuộc tấn công của quân đội Mỹ vào Iraq ngày 20/3/2003 vẫn cứ là hiện thực. Bởi, từ cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, Iraq đã nằm trong kế hoạch được “áp ủ, nghiền ngẫm và thực hiện”, khi người Mỹ phải chịu áp lực từ sự có mặt của Liên Xô ở khu vực dầu mỏ và bởi hiện nay, nó nằm trong kế hoạch hiện thực hoá một học thuyết.

2. Vì sao Iraq được lựa chọn?

Trong các báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ, cuộc chiến Iraq cùng với khả năng bùng nổ của cuộc chiến tranh Triều Tiên lần thứ hai, luôn được viện dẫn cho chiến lược “MRC” (từ viết tắt của Lâu Năm góc để chỉ cuộc chiến tranh lớn ở khu vực) và khả năng sẵn sàng chống trả cùng một lúc hai cuộc chiến tranh khu vực của quân đội Mỹ. Nhưng khác với cách giải quyết thiên về nghị sự và có vẻ thận trọng của Mỹ ở Bình Nhưỡng, Iraq được tiếp cận quyết liệt và cực đoan hơn. Mặc dù vậy, để đi đến quyết định tấn công Iraq, bộ máy quyền lực của ông Bush đã làm việc vất vả cho một kịch bản được sửa soạn công phu, kể cả việc xúc tiến thành lập một chính phủ dân sự thân Mỹ “hậu Saddam”. Như vậy, Iraq là một lựa chọn hoàn toàn chủ động từ phía Mỹ. Lựa chọn này đã được xác định trong “Dự án

thế kỷ mới” của Chính quyền B. Clinton, đặc biệt là trong kế hoạch của Paul Wolfowitz ngay trong Chiến tranh Lạnh, khi ông này còn là người phụ trách hoạch định chính sách khu vực Trung Đông. Có nhiều lý do khiến Iraq trở thành mục tiêu thể nghiệm chiến lược quân sự của Học thuyết Bush. Trong bài báo này, chúng tôi đề cập đến hai yếu tố cơ bản sau:

Xét về nguồn gốc, Iraq là sự tiếp nối cho cuộc chạy đua quyền lực trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, để khẳng định vị thế lãnh đạo thế giới của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, để đặt cơ sở pháp lý cho tham vọng bành trướng ở Trung Đông, Tổng thống Mỹ Wilson, trong Chương trình 14 điểm, đã dành riêng hai điểm 11 và 12 cho khu vực này với danh nghĩa đảm bảo tự do đi lại trên các eo biển và mở cửa đối với các thuộc địa cũ của Thổ Nhĩ Kỳ. Trong thời kỳ này, Mỹ chủ yếu xác lập sự có mặt thông qua các công ty khai thác, buôn bán và trung chuyển dầu mỏ ở các quốc gia Trung Đông, đặc biệt là Palestine và Arab Saudi. Có thể nói, cuối Chiến tranh thế giới thứ hai là thời kỳ Mỹ đẩy mạnh tham vọng của mình ở Trung Đông, khi thế và lực của Liên Xô ngày càng lấn lướt, đặc biệt khi nước này chú trọng hơn đến việc bảo vệ biên giới phía nam với các quốc gia dầu mỏ. Tuy nhiên, phải đến cuối thập niên 70, cuộc chạy đua tranh giành ảnh hưởng của Mỹ mới thực sự quyết liệt hơn. Năm 1972, Liên Xô ký Hiệp định hữu nghị và hợp tác với Chính phủ Iraq, cũng trong năm này (1/6/1972), Iraq lần đầu tiên ra sắc luật quốc hữu hoá công ty dầu lửa lớn nhất của Iraq và cũng là của Trung Đông - nơi tư bản Mỹ chiếm 24,75% cổ phần. Hành động này của Iraq bị Mỹ

cho là chịu ảnh hưởng của Liên Xô và làm thiệt hại trực tiếp đến lợi ích kinh tế của Mỹ. Tháng 12/1979, theo yêu cầu của Chính phủ Afghanistan, Liên Xô đưa quân đội vào Afghanistan để bảo vệ thành quả cách mạng của nước này đang bị các thế lực phản cách mạng đe dọa. Tiếp theo đó, các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) quyết định tăng giá dầu lên 20%. Những sự kiện này gây chấn động mạnh đến nền kinh tế (ngốn 1/4 lượng tiêu thụ dầu thế giới nhưng chỉ sản xuất được 15% và nhập khẩu hơn 50% dầu từ Trung Đông⁴) và vị thế của Mỹ trong so sánh với Liên Xô. Tổng thống Mỹ Carter đã tuyên bố đảm bảo bằng mọi giá nguồn cung cấp dầu từ Trung Đông và xác định chế độ Saddam Hussein là nguyên nhân gây mất ổn định chính yếu. Tuy nhiên, trong bối cảnh chiến tranh lạnh, sự hiện diện của Liên Xô ở khu vực này không cho phép Mỹ có những thể nghiệm hoặc phiêu lưu quân sự. Mỹ bị bó buộc trong chiến lược “răn đe” mang tính phòng thủ. Hơn nữa, Iraq vẫn còn vai trò trong chiến lược cân bằng lực lượng của Mỹ để ngăn cản sự lớn mạnh khó kiểm soát của Iran. Do vậy, ý định tăng cường tiềm lực quân sự của Iraq trong thập niên 80 không hề gặp phải sự chống đối nào từ Mỹ. Chiến tranh Lạnh kết thúc để lại một “khoảng trống quyền lực” đáng kể ở Trung Đông, đặc biệt là đối với Iraq - một quốc gia còn nhiều liên hệ đặc thù trong mối quan hệ với Mỹ. Cuộc chiến xâm lược Iraq lần này như hành động tiếp tục cuộc chơi đang bị bỏ dở mà Chính quyền Bush tự gánh trách nhiệm thực hiện với niềm tin phần thắng sẽ thuộc về mình.

Xét về mặt lợi ích, Iraq đáp ứng được nhiều yếu tố trong hệ thống lợi

ích quốc gia của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh.

Không ai phủ nhận vị trí chiến lược vô cùng quan trọng của Trung Cận Đông trong giao lộ lưu thông giữa các đại lục. Iraq là quốc gia Ả rập lớn nhất trong giao lộ đó, có biên giới với 3 trong số 5 nước sản xuất dầu nhiều nhất thế giới (Arabia Saudi, Kuwait và Iran). Vị thế đó cho phép kiểm soát tuyệt đối mọi nguồn lực kinh tế - quân sự chủ chốt ở vùng Vịnh. Nếu đặt Iraq ở một phương vị khác, có lẽ "tính dễ bị tổn thương" bởi các cường quốc sẽ ít đi nhiều. Tài sản đáng giá nhất của Iraq không phải là những giá trị văn minh cổ xưa của loài người mà là nguồn dầu mỏ đứng thứ hai trên thế giới (chiếm khoảng 95% nguồn thu ngoại tệ của Iraq). Iraq cũng là điểm mấu chốt trong hệ thống trung chuyển dầu mỏ từ Trung Đông đến châu Âu và châu Á. Vai trò của dầu mỏ trong tăng trưởng kinh tế cùng với vị thế của Iraq đã biến quốc gia này thành "mục tiêu của mọi sự thèm khát". Tuy nhiên, từ lâu Iraq đã chối bỏ những mối liên hệ từ Hoa Kỳ và theo đuổi một chính sách đối ngoại độc lập. Điều này đi ngược với nguyên tắc "trật tự" được quán xuyên bởi Washington. Do đó, trong hoạch định của Chính quyền Bush, một chế độ mới tuân thủ sự sắp đặt của Mỹ ở Iraq sẽ giúp Mỹ vẽ lại sơ đồ dẫn dầu có lợi cho mình. Hơn thế nữa, mục đích của Mỹ không chỉ có dầu của Iraq, càng không phải để bảo vệ các đồng minh của Mỹ ở Trung Đông mà muốn có cả Trung Đông. Lợi thế của Iraq ở khu vực này cho phép Mỹ đặt viên gạch đầu tiên trong kế hoạch đó. Cho nên Chính phủ Bush không quan tâm đến kế hoạch rút quân khỏi Iraq sau khi Saddam Hussein bị lật đổ. Họ đến Iraq không phải chỉ với mục đích

lật đổ chế độ Saddam Hussein. Ông Bush tin rằng việc này đã có chính quân đội Iraq (thân Mỹ) thực hiện⁵. Mỹ cũng từng tuyên bố không chiếm lãnh thổ của các quốc gia khác, nhưng rõ ràng hệ thống căn cứ quân sự ở nước ngoài của Mỹ kể từ sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai vẫn được bảo toàn và hiện diện từ vành đai Bắc cực đến Nam cực. Các căn cứ quân sự trọng yếu của Mỹ không phải chỉ đặt ở Đức, Anh, Nhật mà còn ở Guantanamo, ở Arabia Saudi và Iraq là một mục tiêu mang nhiều tính khả thi. Do đó, để thực hiện mục tiêu này, Tổng thống Bush và bộ máy quyền lực của ông đã phải vất vả phân loại các khái niệm về "đòn tấn công phủ đầu" (dành cho mối đe dọa mang tính tức thời, trấn áp, không cho phép lựa chọn phương thức nào khác và không có thời gian cân nhắc), và "đòn tấn công ngăn ngừa" (dành cho sự đe dọa không chắc chắn hoặc không xảy ra), rồi lại phải vất vả biện minh để thu hẹp sự khác biệt giữa hai khái niệm trên. Mặc dù, xét về mọi phương diện, Iraq không có đủ khả năng là mối đe dọa của Mỹ, đúng như chuyên gia về Trung Đông Stephen Zunes khẳng định "bất kỳ loại vũ khí giết người hàng loạt nào của Iraq, có thể đang tồn tại, dưới sự kiểm soát của một chế độ trung ương tập quyền cao độ, đều được dành trọng tâm cho việc ngăn ngừa sự tấn công của Mỹ hơn là khiêu khích nó"⁶. Có thể nói, với quyết tâm "tiếp cận" của Mỹ, Iraq khó tránh khỏi chiến tranh. Bởi chính những người đứng đầu Nhà Trắng cho rằng "không hành động còn mạo hiểm hơn hành động" và "không chiến tranh đồng nghĩa với sự sỉ nhục". Điều này khiến chúng tôi nhớ đến cảm nhận của một trí thức Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Duy, phát trên Đài BBC sáng

11/4/2003 rằng “Thế giới đang trở lại chiến tranh thuở hồng hoang. Ai có sức mạnh muốn làm gì thì làm. Điều đó khiến tôi kinh hãi”. Hơn hết thấy những công trình, những nỗ lực hoà giải, những phản đối từ cộng đồng, chỉ là những “quan ngại” của Tổng thống Bush (về sự cân bằng quyền lực lâu dài ở khu vực các quốc gia vùng Vịnh) đã dẫn đến một cuộc chiến tranh.

Ngoài vị trí chiến lược, dấu mả và những điều kiện cần cho việc thiết lập một căn cứ quân sự, một chế độ mới thì những liên hệ “có thể” của Iraq đối với Afghanistan và kế hoạch sản xuất vũ khí quốc phòng của nước này cũng cho phép, thậm chí tạo cơ hội cho Mỹ toan tính về sự có mặt lâu dài của họ ở Trung Đông. Những điều kiện này khiến cho việc lựa chọn Iraq làm mục tiêu của Học thuyết Bush trở nên khả thi hơn đối với Mỹ.

Kết luận

Mặc dù với lý do gì, là một thể nghiệm của chiến lược quân sự cứng rắn; một hoa thị trong bảng liệt kê hệ thống lợi ích quốc gia cần được bảo vệ, hay sự đáp trả cần thiết của bộ máy quyền lực toàn cầu đối với một quốc gia bất hảo, thì cuộc chiến Iraq vẫn là một ám ảnh của Học thuyết Bush, khiến người Mỹ vỡ mộng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất giải thích cho sự thất bại của đảng Cộng hoà và Thượng nghị sỹ John McCain. Chưa biết những cam kết của Tổng thống Barack Obama trong kế hoạch “giữ bỏ bụi bẩn và tái tạo nước Mỹ” của ông được thực hiện hiệu quả hay không, nhưng quyết định rút khỏi

Iraq (một trong 5 nội dung của kế hoạch trên) hứa hẹn ít nhất một sự thay đổi “ngắn hạn” - như cách nói của giáo sư Brantly Womack - mà trước hết là sự thay đổi đối với nhận thức về cách chiếm lĩnh vai trò lãnh đạo thế giới của Chính quyền G. W. Bush ■

Chú thích:

1. Nguyễn Thiết Sơn (CB), Nước Mỹ năm đầu thế kỷ XXI, Nxb KHXH, HN, 2002, tr. 103.
2. Trần Trọng, “Học thuyết Bush và chiến lược chiến tranh không thương vong”, Tạp chí Cộng sản, số 8-2002, tr. 58-63.
3. Theo GS. Bruce W. Jentleson, lợi ích quốc gia của Mỹ được xác định trên 4 mục tiêu bắt đầu bằng chữ P: quyền lực (power), hoà bình (peace), thịnh vượng (prosperity) và nguyên tắc (principle)
4. Thông tấn xã Việt Nam, Cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ hai, Nxb Thông Tấn, HN. 2003, tr.17.
5. Laurie Mylroie, U.S. Policy Toward Iraq, Middle East Intelligence Bulletin, Vol. 3, No. 1 (Main Page).
6. First News, Bush và quyền lực nước Mỹ, Nxb Lao động, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 583.

Tài liệu tham khảo:

1. Bruce W. Jentleson, Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ - động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, HN, 2004.
2. Stephen Zunes, “Hoa Kỳ xâm lược Iraq: khía cạnh quân sự của Toàn cầu hoá”, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 11/2004, tr. 55-59
3. Thông tấn xã Việt Nam, Cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ hai, Nxb Lao Động, Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
4. http://musingsoniraq.blogspot.com/2008/06/overview_of_america-policy_towards.
5. <http://radio.vietnameseutah.org/?p=775>.